

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/10/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+P4	7:25	6+16	0+0		6+16	0+0	
2		PVD8+AMD	7:25	16+5	0+0		8+14	0+0	
3		P10+TD3	7:25	5+17	0+0		2+19	0+0	
4		P9+PVD8	7:25	1+15	0+0		0+19	0+0	chuyen 1 P9- PVD8ec225
5		P9+P5+P4	9:25	3+7+11	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
6		TD3+P7+TD5	9:25	7+14+0	0+0+0		6+14+2	0+0+0	
7		P6+MRM	9:25	3+10	0+0		3+14	0+0	ec225
8		AMD+P3	11:25	20+2	0+0		18+4	0+0	
9		RC3+BK6+P5	11:25	11+0+9	0+0+0		4+3+15	0+0+0	
10		AMD+HSD	13:25	21+1	0+0		20+2	0+0	chuyen 1 AMD- hsd
11		RC6+VSP02+P3	13:25	0+7+13	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 1 RC6- vsp02

TPDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ Đi về trong ngày P3-4ng

2/Các gián chú ý: Thẻ VT về bỏ dán hành lý và phải ghi họ tên hành khách và nơi xuất phát về bỏ. Không có sẽ tạm giữ lại lập danh sách vi phạm nơi quy AT bay, sẽ đề nghị trừ thưởng gián và cả nhân vi phạm

Le Ng Duy Duy



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P3 - P4	CREW: LTUẤN - LINH - NNAM	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4142	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ HỒNG ĐẠI	P3	05	1	4	3	40	75	D-HANH	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC THUẬN	P3	02	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN BUI NAM	P3	09	1	8			95	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG THĂNG	P3						73	KH-THAC	Vietnamese
5	NHAM ĐIỆN BIÊN	P3	04	1	3			70	NIPI	Vietnamese
6	NGUYỄN HUY HOANG	P3	03	1	5			56	TRƯỜNG V	Vietnamese
7	VÔ DUY TOÀN	P4	78	1	9	3	50	64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY THAI	P4	82	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT BĂNG	P4	85-86	2	6			68	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO ĐỨC HÙNG	P4	92	1	3			55	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THAI SƠN	P4	83	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC TẤN	P4	84	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG TUYẾN	P4	80	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN NĂM	P4	75	1	4			73	KHI	Vietnamese
15	VÔ HỒNG TÍN	P4	76	1	17			81	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN NHÂN HAI	P4	77	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN NGỌC TUẤN	P4	81	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI MINH TUẤN	P4	79	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN TRUNG CHÍNH	P4						64	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU HÀ	P4						76	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TOÀN	P4	87	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	88	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P3	6	450	5	26	3	40	6		
2	P4	16	1.055	15	85	3	50	16		
TOTAL		22	1.505	20	111	6	90	22		
WEIGHT KG			1.505		111		90			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

 NGÔ VĂN LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: PVD8 - AMD	CREW: NAM - VIỆT - QTRƯỜNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/4146	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN TIẾN	PVD8	11	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM HỒNG QUÝ	PVD8	27	1	13	1	32	72	XN ĐỊA VÀ	Vietnamese
3	FRANKLIN DELANOR HENSON JR	PVD8	09-10	2	20			103	PVD DD	American
4	DJAMIAT	PVD8	18-19	2	16			77	PVD DD	Indonesian
5	PHẠM TẤT THẮNG	PVD8	17	1	5			72	PVD DD	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC THIÊN PHÚC	PVD8	23-24	2	10			87	PVD DD	Vietnamese
7	TRẦN CÔNG THANH	PVD8	25-26	2	14			78	ERGON	Vietnamese
8	LƯƠNG VĂN DÂN	PVD8	21-22	2	12			70	ERGON	Vietnamese
9	TRẦN CÔNG THAI	PVD8	14	1	9			65	ERGON	Vietnamese
10	LÊ ĐÌNH VIỆT	PVD8	16	1	11			65	ERGON	Vietnamese
11	VU VĂN ĐỀ	PVD8	20	1	11			84	ERGON	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT TOÀN	PVD8	29	1	8			93	PSV	Vietnamese
13	TRẦN VĂN MẠNH	PVD8	12-13	2	11			67	PVDO	Vietnamese
14	HOANG GIA KHÔI	PVD8	15	1	6			57	PVDO	Vietnamese
15	TRAN DAI NGHIA	AMD	46	1	6			72	HLJOC	Vietnamese
16	NGUYEN VO BA LINH	AMD	47-48	2	15			75	HLJOC	Vietnamese
17	HY TAC SANG	AMD	49-50	2	14	4	62	69	TLJOC	Vietnamese
18	HỒ ANH QUỐC	AMD	51	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO SỸ KHÔI	AMD	45	1	11			76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	14	1.064	20	152	1	32	8		
2	AMD	5	359	7	50	4	62	14		
TOTAL		19	1.423	27	202	5	94	22		
WEIGHT KG			1.423		202		94			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGUYỄN QUANG VIỆT



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: P10 - TD3	CREW: LHM - HUC - DUNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/4150	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LUONG ANH VU	P10	16	1	9	7	129	71	HA VIET	Vietnamese
2	ĐẶNG TUẤN ANH	P10	17	1	11			87	CODIEN	Vietnamese
3	LIU MINH SANG	P10	12	1	7			57	HA VIET	Vietnamese
4	LÊ TUẤN TU	P10	15	1	8			70	HA VIET	Vietnamese
5	NGUYỄN HOANG ANH TUẤN	P10	13-14	2	13			88	HA VIET	Vietnamese
6	BABKIN A.M	TD3	53	1	6			101	KH-THAC	Russian
7	KISELEV I.IU	TD3	52	1	11			100	KH-THAC	Russian
8	NGUYỄN HOANG VINH	TD3	61	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẠO MINH TUẤN	TD3	48	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ NGỌC HUNG	TD3	54	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ QUANG TRƯỜNG	TD3	47	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ KIẾN TRUNG	TD3	46	1	4			81	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ QUANG ANH HUNG	TD3	64-65	2	9			65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN LONG BIÊN	TD3	49	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HỮU DUNG	TD3	58-59	2	11			83	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ĐÌNH PHÚC	TD3	56	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
17	TẠ QUỐC VIỆT	TD3	62-63	2	17			61	YTE	Vietnamese
18	PHẠM ANH SƠN	TD3	45	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
19	TÔ QUANG ANH	TD3	55	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THẾ VINH	TD3	50	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HOANG ANH TUẤN	TD3	57	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
22	MAI VĂN BÌNH	TD3	51	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	5	373	6	48	7	129	2		
2	TD3	17	1.247	20	121	0	0	19		
TOTAL		22	1.620	26	169	7	129	21		
WEIGHT KG			1.620		169		129			

GRAND TOAL: 1.918 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

LƯU THANH HẢI
HOÀNG ANH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:50
B.CARD: TRANG - 1	TO: P9 - PVD8	CREW: HLONG - VLINH	ETA: 09:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/4140	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM VIỆT DŨNG	P9	98	1	5	1	15	66	KHOAN	Vietnamese
2	LE DUY KHANH	PVD8	51	1	4			51	PVDO	Vietnamese
3	NGUYEN ANH HUNG	PVD8	47	1	4	2	13	68	PVDO	Vietnamese
4	TRẦN VIỆT NAM	PVD8	43	1	3			71	PVDO	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HOA	PVD8	44	1	4			70	PVDO	Vietnamese
6	VU VAN TANG	PVD8	45	1	6			65	PVDO	Vietnamese
7	BUI MẠNH HUNG	PVD8	46	1	8			72	PVDO	Vietnamese
8	TRẦN DUY LINH	PVD8	49-50	2	9			79	PVDO	Vietnamese
9	HOANG CONG THANG	PVD8	54-55	2	6			60	PVDO	Vietnamese
10	TRUONG QUOC BINH	PVD8	56	1	6			68	PVDO	Vietnamese
11	PHẠM HỒNG THẮNG	PVD8	48	1	8			67	PVDO	Vietnamese
12	LUONG TAN SANG	PVD8	52	1	5			72	PVDO	Vietnamese
13	TRẦN VĂN TRUNG	PVD8	42	1	6			60	PVDO	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH TÙNG	PVD8	40	1	4			86	PVDO	Vietnamese
15	NGUYỄN TRẠ VINH	PVD8	41	1	6			72	PVDO	Vietnamese
16	HUYNH QUỐC DŨNG	PVD8	38-39	2	15			77	DMC-MI	Vietnamese
17	TRẦN DUONG	PVD8	53	1	11			65	CO DIEN	Vietnamese
18	HA QUANG HUY	PVD8	57-58	2	16			67	CO DIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	1	66	1	5	1	15	0	4	CHUYEN T P9 PVD8
2	PVD8	17	1.170	21	121	2	13	19		
TOTAL		18	1.236	22	126	3	28	19		
WEIGHT KG			1.236		126		28			

GRAND TOAL: 1.390 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

ĐINH HOÀNG LONG

TRỊNH VINH LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: P9 - P5 - P4	CREW: LTUAN - LINH - NNAM	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/4143	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRAN NGOC TIN	P9	28	1	12			56	THIEN NAM	Vietnamese
2	PHAM NGOC PHUONG	P9	03	1	11	6	72	72	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN VU HUNG	P9	98	1	6			77	CODIEN	Vietnamese
4	BUI VAN BAC	P5						76	KH-THAC	Vietnamese
5	LA VAN TOI	P5	24	1	9			91	YTE	Vietnamese
6	TRAN SY DIEP	P5	25-26	2	12			73	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN TRUNG HIEU	P5	27	1	10			69	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN QUANG PHUC	P5						49	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM VAN HOANG	P5	28	1	11			69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ANH DUNG	P5	20	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
11	CHU VAN DAT	P4	92-93	2	20			65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐAM VAN QUANG	P4	96	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HOANG	P4	90	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VAN BA	P4	98	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
15	HA TAN DUNG	P4	97	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC TUYEN	P4	89	1	6	2	30	68	KH-THAC	Vietnamese
17	LE HONG TRUNG	P4	91	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI MANH CUONG	P4	99	1	2			64	KH-THAC	Vietnamese
19	TRUONG MINH HOANG	P4	94	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
20	LE ANH THANG	P4	95	1	3			81	KH-THAC	Vietnamese
21	LE CONG MINH	P4	300	1	7			108	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	3	205	3	29	6	72	0		
2	P5	7	482	6	47	0	0	4		
3	P4	11	805	12	73	2	30	18		
TOTAL		21	1.492	21	149	8	102	22		
WEIGHT KG			1.492		149		102			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN PHUONG ANH

CREW

LUONG MANH TUAN

NGO VAN LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: TD3 - P7 - TD5	CREW: NAM - QVIỆT - QTRƯỜNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM25/4147	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI HUY NGHIỆP	TD3						77	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN THẮNG	TD3	03	1	6			49	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM SỸ HIỆP	TD3	04	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ NAM CƯỜNG	TD3						73	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HỮU PHƯỚC	TD3	05	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN PHIÊN	TD3	02	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG QUANG ĐỨC	TD3	01	1	16			71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHÒNG	P7	78	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN LŨU	P7	74	1	7			68	YTE	Vietnamese
10	PHẠM HOANG HÙNG	P7	79-80	2	17	1	7	87	KH-THAC	Vietnamese
11	HUYNH THANH TÂM	P7	66-67	2	6	3	55	87	KH-THAC	Vietnamese
12	TRUONG VĂN QUANG	P7	72	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN THIÊN	P7	77	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN QUANG THANH	P7	65	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN LƯƠNG TÂM	P7	68-69	2	11			73	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ NGHĨA TÀI	P7	70	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ NGỌC HAI	P7	73	1	7			94	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG VIỆT HUNG	P7	75	1	6			75	PSV	Vietnamese
19	ĐẬU CÔNG SAU	P7	71	1	3			84	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN KIẾN	P7	76	1	8			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	7	474	5	35	0	0	6		
2	P7	13	1.000	16	93	4	62	14		
3	TD5	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		20	1.474	21	128	4	62	22		
WEIGHT KG			1.474		128		62			

GRAND TOAL: 1.664 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YÊN

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGUYỄN QUANG VIỆT



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 10:10
B.CARD: TRANG-2	TO: P6 - MRM	CREW: HLONG - VLINH	ETA: 12:00
VSP FLIGHT: 7	VNHS FLIGHT: TM25/4141		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VU VIET HUAN	P6	38	1	11	1	25	70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN QUANG VU	P6	39	1	14	1	23	71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HAI NAM	P6	36-37	2	20			64	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN NHU Y	MRM	54	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
5	ĐỖ HOAI NAM	MRM	50-51	2	13			64	KHOAN	Vietnamese
6	UVAISOV MAGOMED	MRM	52-53	2	15			75	AMNGR	Russian
7	TRẦN HỮU THỌ	MRM	47-49	3	20			90	AMNGR	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG SON	MRM	45	1	10			71	DVL	Vietnamese
9	PHẠM LÊ TRƯỜNG SƠN	MRM	56-57	2	15			74	HALLIBUR	Vietnamese
10	LE DINH MINH	MRM	55	1	11			61	HALLIBUR	Vietnamese
11	NGUYEN HUU LUAN	MRM	58	1	8			69	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN TRỌNG TIẾN	MRM	60	1	13			78	KHOAN	Vietnamese
13	MAI ANH TUAN	MRM	59	1	14			77	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P6	3	205	4	45	2	48	3		
2	MRM	10	732	15	125	0	0	14		
TOTAL		13	937	19	170	2	48	17		
WEIGHT KG			937		170		48			

GRAND TOAL: 1.155 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

ĐINH HOÀNG LONG

TRỊNH VINH LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: AMD - P3	CREW: HUNG - NPHU - DTUNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM25/4144	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN XUAN THANH	AMD	43	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN CONG DUNG	AMD	24-25	2	13			68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN SANH	AMD	44	1	2	5	90	64	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM THANH HUNG	AMD	26-28	3	17			55	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO VAN SAU	AMD	29-30	2	16			66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VIET LAM	AMD	38	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN MINH DUC	AMD	23	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM THANH THONG	AMD	46	1	7			75	PHANTA	Vietnamese
9	CAO VAN DUNG	AMD	47	1	6			64	PHANTA	Vietnamese
10	CAO THANH SAC	AMD	49-50	2	13			74	PHANTA	Vietnamese
11	LUONG DUC HUNG	AMD	45	1	7			64	PHANTA	Vietnamese
12	NGUYEN HUU NHAN	AMD	31	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
13	VU MANH HA	AMD	39-40	2	12			83	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH HUU TINH	AMD	37	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN TOAN	AMD	34	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI SY QUYEN	AMD	32-33	2	7			65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM VAN QUAN	AMD	41	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN NGHIA	AMD	42	1	11			64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO QUANG HUAN	AMD	48	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HUU CUONG	AMD	35-36	2	10			70	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐINH VAN THANH	P3	10	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
22	LUONG HUU HAU	P3	11	1	13			85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	20	1.373	28	170	5	90	18		
2	P3	2	160	2	20	0	0	4		
TOTAL		22	1.533	30	190	5	90	22		
WEIGHT KG			1.533		190		90			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG DIỆP

CREW

LÊ QUÝ HUNG
ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: HONG-3	TO: RC3 - BK6 - P5	CREW: DUONG - N.CUONG - HUY	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM25/4148	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAN TUAN DAT	RC3	76	1	14			96	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN NINH	RC3	61	1	10			72	XAYLAP	Vietnamese
3	HUYNH PHUONG HUNG	RC3	74-75	2	20			75	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG HUY	RC3	72-73	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN TUAN VIET	RC3	62-63	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG HUY	RC3	68	1	11			58	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN NHU PHUONG	RC3	69	1	11			75	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VIET DUY	RC3	64	1	14	1	9	77	XAYLAP	Vietnamese
9	HO NGHIA DUNG	RC3	70	1	15	1	10	78	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN HAM CHUNG	RC3	51	1	11	1	12	76	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN ANH TIEN	RC3	66-67	2	17			66	XAYLAP	Vietnamese
12	DINH QUANG SON	RC3	53-54	2	20			56	XAYLAP	Vietnamese
13	DO HOANG TRONG	P5	29	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN ANH TUAN	P5	31	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG BA VINH	P5	30	1	11			67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC DINH	P5	35-36	2	18			96	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI VAN ANH	P5						80	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM TUNG VY	P5	33	1	16			68	DVL	Vietnamese
19	DO TRONG VINH PHAT	P5	32	1	11			81	DVL	Vietnamese
20	DAO VAN THANG	P5	37	1	13			56	PSV	Vietnamese
21	LE XUAN TINH	P5	34	1	10			72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC3	12	851	17	183	3	31	4		
2	BK6	0	0	0	0	0	0	3		
3	P5	9	668	9	92	0	0	15		
TOTAL		21	1.519	26	275	3	31	22		
WEIGHT KG			1.519		275		31			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI HONG HA

CREW

BUI HOANG DUONG

PHAN NHU CUONG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:35
B.CARD: TIM-4	TO: AMD - HSD	CREW: DUONG - N.CUONG - HUY	ETA: 16:25
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/4149	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN VAN NHA	AMD	75	1	9			62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRUNG DUNG	AMD	18-19	2	15			57	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HIEN	AMD	73	1	4			54	PSV	Vietnamese
4	PHAN VAN HOA	AMD	74	1	4			73	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN VAN VINH	AMD	20-21	2	7			67	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN CONG LUAT	AMD	58	1	10			80	HA VIET	Vietnamese
7	BUI VAN DUC	AMD	55-56	2	9			69	HA VIET	Vietnamese
8	NGUYEN HUU HIEU	AMD	61-62	2	15			55	HA VIET	Vietnamese
9	NGUYEN TAN PHUNG	AMD	76	1	9	2	30	74	HA VIET	Vietnamese
10	DUONG KHAC TUNG	AMD	57	1	10			65	HA VIET	Vietnamese
11	PHAN LE THANH TIN	AMD	65	1	7			80	HA VIET	Vietnamese
12	TRINH NGOC HUNG	AMD	70	1	12			60	HA VIET	Vietnamese
13	LE HUU LOC	AMD	64	1	9			60	HA VIET	Vietnamese
14	VU VAN KHOI	AMD	68-69	2	10			74	HA VIET	Vietnamese
15	NGUYEN THANH TUAN	AMD	59	1	13			70	HA VIET	Vietnamese
16	HU TRUNG DUC	AMD	60	1	9			57	HA VIET	Vietnamese
17	TRAN VAN CONG	AMD	66	1	5			80	HA VIET	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC TUAN	AMD	63	1	11			60	HA VIET	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TUYEN	AMD	67	1	12			69	HA VIET	Vietnamese
20	TRAN THIEN TRUNG	AMD	22	1	12			57	HA VIET	Vietnamese
21	VU THANH TRUNG	AMD	71-72	2	8			48	HA VIET	Vietnamese
22	NGUYEN VIET THANG	HSD	01	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	21	1.371	27	200	2	30	20+1		CHUYEN 1 PAX AMD-HSD
2	HSD	1	74	1	9	0	0	2		
TOTAL		22	1.445	28	209	2	30	22		
WEIGHT KG			1.445		209		30			

GRAND TOAL: 1.684 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

BUI HOANG DUONG

PHAN NHU CUONG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:30
B.CARD: VANG-4	TO: RC6 - VSP02 - P3	CREW: HUNG - NPHU - DTUNG	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM25/4145	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LE TUAN VU	VSP02	61	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
2	MIRSAIAPOV R.	VSP02	60	1	5			105	KH-THAC	Russian
3	SABITOV A.A.	VSP02						78	KH-THAC	Russian
4	ĐAO XUÂN THAO	VSP02	57	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN MINH DUY	VSP02	56	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
6	LE XUÂN HUONG	VSP02	59	1	7			57	BA SON	Vietnamese
7	PHẠM TUẤN ANH	VSP02	58	1	9			66	BA SON	Vietnamese
8	BUI THE DUONG	P3	17	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
9	LE ĐỨC HUY	P3	15-16	2	6			78	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	14	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN LÊ TUNG	P3	03	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH PHONG	P3	11-12	2	19			73	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ ĐỨC HUNG	P3	10	1	5			84	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN PHI DAN	P3	06	1	8			56	YTE	Vietnamese
15	VŨ XUÂN TIEN	P3	18	1	12			70	PSV	Vietnamese
16	VŨ VĂN PHÚC	P3	19	1	7			58	PSV	Vietnamese
17	CAO DUY LŨNG	P3	13	1	6			60	PSV	Vietnamese
18	LE MINH KHANG	P3	04	1	5			63	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC ANH	P3	07	1	18			95	ANTOAN	Vietnamese
20	LUONG MANH GIANG	P3	08-09	2	18			66	ANTOAN	Vietnamese
21	LE NGUYEN DUY THONG	P3	05	1	7			50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC6	0	0	0	0	3	35	1		CHUYEN I PAX RC6-VSP02
2	VSP02	7	517	6	34	0	0	0		
3	P3	14	951	17	132	0	0	21		
TOTAL		21	1.468	23	166	3	35	22		
WEIGHT KG			1.468		166		35			

GRAND TOAL: 1.669 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

LE QUÝ HUNG
ĐÀO NGỌC PHÚ